

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/DS-ST  
Ngày: 16 - 9 - 2022  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Hà Thị Kim Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Từng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; trụ sở: Số 169 phố L, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quang T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện H, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ - NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1970; ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1967; anh Huỳnh Bảo V, sinh năm 1995 và anh Huỳnh Phương N, sinh năm 2000; cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:*

Bà Phan Thị C và các thành viên gia đình được Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện H (sau đây gọi tắt là NHCSXH) cho vay chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; mã món vay: 6600000703028153, ngày vay: 24/11/2014, hạn trả nợ: ngày 24/5/2019, được ngân hàng cho gia hạn từ ngày 25/5/2019 đến ngày 16/3/2020, nhưng đến hạn trả nợ, bà C và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 04/05/2022: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi: 2.040.000 đồng;

Tổng: 22.040.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau nhiều lần Ngân hàng và chính quyền địa phương, Hội Phụ nữ thông báo và mới lên làm việc, nhưng bà C và các thành viên liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, NHCSXH đề nghị Tòa án buộc bà C và các thành viên liên quan phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/05/2022 là 22.040.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ.

*Bị đơn bà Phan Thị C, ông Huỳnh Hữu N, anh Huỳnh Bảo V và anh Huỳnh Phương N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng các ông, bà không có ý kiến trình bày tại Tòa.*

*Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của NHCSXH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử 16/9/2022, tổng số tiền gốc và lãi bà C, ông N, ông V và ông N còn nợ ngân hàng là 22.641.553 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn năm trăm năm mươi ba đồng), trong đó nợ tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 2.641.553 đồng.*

*Kiểm sát viên - đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, do đó cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc vợ chồng bà Phan Thị C, ông Huỳnh Hữu N, anh Huỳnh Bảo V và anh Huỳnh Phương N phải có nghĩa vụ liên đới trả trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/9/2022 là 22.641.553 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà C, ông N, anh V và anh N phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C là tổ chức tín dụng ký kết hợp đồng cho hộ gia đình bà Phan Thị C vay số tiền 22.000.000 đồng với mục đích hỗ trợ Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHCSXH khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị C, ông Huỳnh Hữu N, anh Huỳnh Bảo V và anh Huỳnh Phương N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay ngân hàng, bị đơn bà C, ông N, anh V và anh N có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà C, ông N, anh V và anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ- dư nợ thì ngày 24/11/2014, NHCSXH đã chấp thuận ký hợp đồng tín dụng và giải ngân cho bà C, ông N số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng); đến ngày 24/10/2015, ngân hàng giải ngân tiếp số tiền 11.000.000 đồng, tổng cộng giải ngân 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), mục đích cho vay hỗ trợ học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, với lãi suất vay 0,60%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,780%/tháng, thời hạn trả nợ khoản vay sau cùng là ngày 24/5/2019. Tuy nhiên đến ngày 06/5/2019, các thành viên hộ gia đình bà C gồm bà Phan Thị C, ông Huỳnh Hữu N (chồng bà C), anh Huỳnh Phương N và anh Huỳnh Bảo V (con bà C) cùng cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ khoản vay tại NHCSXH và đồng ý ủy quyền cho bà C thực hiện các giao dịch với ngân hàng, theo đó, đến ngày 14/5/2019, ngân hàng đã gia hạn khoản vay 22.000.000 đồng cho hộ gia đình bà C đến ngày 16/3/2020, với lãi suất vay trong hạn 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,75%/tháng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 101 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng tín dụng ký kết giữa NHCSXH và hộ gia đình bà Phan Thị C có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Tính đến ngày xét xử, bị đơn bà C, ông N, anh N và anh V mới trả được khoản tiền gốc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và tiền lãi 9.226.909 đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm lẻ chín đồng), còn nợ lại tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 2.641.553 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 22.641.553 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn năm trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày 17/3/2020 đến nay, khoản vay của hộ gia đình bà C đã chuyển nợ quá hạn. Mặc dù khi đến hạn trả nợ, NHCSXH đã nhắc nhở bà C, ông N, anh N và anh V nhiều lần, nhưng các ông, bà vẫn không thanh toán, xét thấy bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 101, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc bà C, ông N, anh N và anh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc tính đến ngày xét xử là 20.000.000 đồng, tiền lãi 2.641.553 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 22.641.553 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn năm trăm năm mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, NHCSXH không phải chịu án phí; bà C, ông N, anh N và anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các 91, 95, điểm a, khoản 3, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 101, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c, khoản 1, Điều 11 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc buộc bà Phan Thị C, ông Huỳnh Hữu N, anh Huỳnh Bảo V và anh Huỳnh Phương N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện H số tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 2.641.553 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 22.641.553 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn năm trăm năm mươi ba đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà C, ông N, anh N và anh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà C, ông N, anh N và anh V vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C, ông N, anh V và anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.132.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Phan Thị C, ông Huỳnh Hữu N, anh Huỳnh Bảo V và anh Huỳnh Phương N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**